BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 53/2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2017*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ

Căn cứ Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thi hành Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 69/2016/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 69/2016/NĐ-CP.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quy định chung về hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ

1. Khi bắt đầu hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ và trong suốt quá trình hoạt động, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 69/2016/NĐ-CP tương ứng với từng loại hình kinh doanh dịch vụ mua bán nợ và phải thực hiện công bố công khai việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ về vốn, quy chế quản

lý nội bộ về tổ chức, quy định nội bộ về hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, quy chế hoạt động của sàn giao dịch nợ tại trụ sở chính và trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp phải lưu trữ tài liệu đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ và phải xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

Điều 4. Quy định đáp ứng điều kiện về vốn

Tại mọi thời điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, vốn điều lệ/vốn đầu tư thực góp hạch toán trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp phải lớn hơn hoặc bằng mức vốn tối thiểu quy định tại Nghị định số 69/2016/NĐ-CP tương ứng với từng loại hình kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

Điều 5. Quy định đáp ứng điều kiện về quy chế quản lý nội bộ

1. Tại thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, doanh nghiệp phải có quy chế quản lý nội bộ về tổ chức, quy định nội bộ về hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ được ban hành bởi cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quy định tại điều lệ của doanh nghiệp.

2. Đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch nợ, tại thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch nợ, doanh nghiệp phải có quy chế hoạt động của sàn giao dịch nợ được ban hành bởi cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quy định tại điều lệ của doanh nghiệp, đảm bảo đầy đủ các nội dung tối thiểu quy định tại Khoản 5, Điều 8 Nghị định số 69/2016/NĐ-CP.

Điều 6. Quy định đáp ứng điều kiện về người quản lý doanh nghiệp

Tại thời điểm được bổ nhiệm làm người quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, người quản lý phải có các hồ sơ sau:

1. Phiếu lý lịch tư pháp.

2. Bằng đại học (trở lên) thuộc một trong các ngành: Kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhận.

3. Bản cam kết với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ về việc đáp ứng đầy đủ nội dung quy định tại các điểm a, điểm c, điểm d Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 69/2016/NĐ-CP.

Điều 7. Quy định về đáp ứng điều kiện bổ sung đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch nợ

Trước thời điểm kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch nợ, doanh nghiệp phải có:

1. Báo cáo tài chính được kiểm toán chứng minh đã kinh doanh dịch vụ mua bán nợ ít nhất 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch nợ và doanh thu hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ của năm liền kề trước năm thực hiện kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch đạt ít nhất 500 tỷ đồng.

2. Bản chính thuyết minh về cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch nợ để tiếp nhận, cập nhật, cung cấp thông tin về hoạt động mua bán nợ giữa các thành viên tham gia sàn giao dịch; hệ thống phần mềm quản lý, giám sát các giao dịch, trong đó bao gồm cả việc cung cấp, lưu trữ thông tin về các khoản nợ dự kiến được niêm yết trên sàn giao dịch.

3. Các hợp đồng lao động ký với ít nhất 02 nhân viên có chứng chỉ kiểm toán viên hoặc ít nhất 02 nhân viên có thẻ thẩm định viên về giá do Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp.

Điều 8. Chế độ báo cáo

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính và trong trường hợp đột xuất, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về việc đáp ứng điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, tình hình kinh doanh và chấp hành quy định pháp luật của doanh nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Định kỳ hàng quý và trong trường hợp đột xuất, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tình hình cấp, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

3. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính và trong trường hợp đột xuất, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo về tình hình kinh doanh và chấp hành quy định pháp luật của doanh nghiệp hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ trên địa bàn tỉnh, thành phố cho Bộ Tài chính theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2017.

2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ thành lập và hoạt động kinh doanh trước ngày Nghị định số 69/2016/NĐ-CP có hiệu lực thi hành:

a) Chậm nhất vào ngày 01/7/2017, doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ theo quy định tại Nghị định số 69/2016/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này, hoàn thiện các tài liệu chứng minh và công bố công khai việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ tại trụ sở chính và trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;

b) Trước ngày 01/7/2017, doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh về việc đáp ứng hoặc không đáp ứng điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ. Trong trường hợp không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ phải chấm dứt hoạt động kinh doanh mua bán nợ và phải báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

Phụ lục 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2017 về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ)

I. Về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ

STT	Danh mục	Đáp ứng điều kiện theo Nghị định số 69/2016/NĐ-CP	Ghi chú
1	Vốn điều lệ/vốn đầu tư thực góp	số tiền (triệu đồng)	
2	Quy chế quản lý nội bộ về tổ chức	Có/Không	
3	Quy định nội bộ về hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ	Có/Không	
4	Quy định về người quản lý	Tuân thủ/Không	
5	Các quy định điều kiện bổ sung đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch nợ tại Điều 7 Thông tư này	Tuân thủ/Không	

II. Báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh:

STT	Danh mục	Kỳ báo cáo		Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo		Ghi chú
		Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	
1	Tổng số nợ mua					
2	Tổng số nợ bán					
3	Tổng số nợ tư vấn, môi giới đã thực hiện được					
4	Tổng số nợ được giao dịch tại sàn giao dịch nợ					

III. Về việc tuân thủ các quy định về pháp luật: Có vi phạm gì hay không, biện pháp khắc phục.

Phụ lục 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2017 về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ)

I. Về tình hình kinh doanh dịch vụ mua bán nợ trên địa bàn

1. Về tổng thể hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ trên địa bàn

STT	Danh mục	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng công ty kinh doanh dịch vụ mua bán nợ trên địa bàn, trong đó:		
	Số lượng công ty kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch nợ		
	Số lượng doanh nghiệp kinh doanh hoạt động mua bán nợ		
	Số lượng doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ môi giới, tư vấn mua bán nợ		
2	Số lượng doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ chấm dứt/dừng hoạt động trên địa bàn, trong đó:		
	Số lượng công ty kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch nợ		
	Số lượng doanh nghiệp kinh doanh hoạt động mua bán nợ		
	Số lượng doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ môi giới, tư vấn mua bán nợ		
3	Số lượng doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ		
4	Tổng số vốn đăng ký về kinh doanh dịch vụ mua bán nợ (tỷ đồng)		

2. Về tình hình kinh doanh của các đơn vị

	Danh mục	**Kỳ báo cáo**		**Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo**		**Ghi chú**
1	Doanh nghiệp A:	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
	Tổng số nợ mua (triệu đồng)					
	Tổng số nợ bán (triệu đồng)					
	Tổng giá trị nợ tư vấn, môi giới đã thực hiện được (triệu đồng)					
	Tổng giá trị nợ được giao dịch tại sàn giao dịch nợ (triệu đồng)					
2	Doanh nghiệp B:…					

3. Về các vi phạm trong hoạt động kinh doanh mua bán nợ

(Báo cáo chi tiết những vấn đề phát sinh trên địa bàn, các vi phạm của các doanh nghiệp bị xử phạt hành chính, tình hình thực hiện các biện pháp khắc phục và xử phạt vi phạm theo thẩm quyền…).

II. Đề xuất, kiến nghị của địa phương